

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN BẮC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 30
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh báo cáo tài chính	09 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc chính thức hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0104546308 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/03/2010, thay đổi lần thứ 8 ngày 20/05/2019.

Trụ sở chính của Công ty tại: 187B, Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hà Sỹ Chuẩn	Chủ tịch	
Ông Dương Đình Thọ	Thành viên	
Ông Phạm Xuân Thương	Thành viên	
Ông Dương Xuân Mộc	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 21/04/2023)
Bà Ngô Phương Anh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 21/04/2023)
Bà Bùi Thị Thu Lan	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 21/04/2023)
Ông Nguyễn Châu Giang	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 21/04/2023)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Đình Thọ	Tổng Giám đốc	
Ông Dương Xuân Mộc	Phó Tổng giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 16/01/2023)
Bà Ngô Phương Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Bùi Thị Thu Lan	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 16/01/2023)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Ông Dương Đình Thọ (Tổng Giám đốc).

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Trưởng ban
Bà Lê Thu Hương	Kiểm soát viên
Bà Lê Hồng Phương	Kiểm soát viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc

Số 187B, Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

- lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
 - Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Đương Đình Thọ

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc được lập ngày 25 tháng 03 năm 2024, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam



Nguyễn Duy Quảng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3363-2020-002-1

WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY AND ACCOUNTING NETWORK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		112.047.032.175	107.234.248.223
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	26.007.850.527	16.416.362.208
111	1. Tiền		26.007.850.527	16.416.362.208
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	63.220.000	63.220.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		63.220.000	63.220.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		68.845.414.474	73.599.469.900
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	75.190.938.540	77.283.545.057
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	175.289.150	1.733.490.785
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	154.000.000	154.800.000
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.674.813.216)	(5.572.365.942)
140	IV. Hàng tồn kho	9	14.965.717.312	15.784.771.174
141	1. Hàng tồn kho		17.673.242.862	19.632.786.508
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.707.525.550)	(3.848.015.334)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.164.829.862	1.370.424.941
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	2.164.829.862	1.370.424.941
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		29.680.466.134	29.401.220.124
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		50.000.000	50.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	50.000.000	50.000.000
220	II. Tài sản cố định		28.051.885.649	27.815.152.120
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	7.692.466.895	7.508.485.446
222	- Nguyên giá		21.905.772.546	19.645.041.635
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.213.305.651)	(12.136.556.189)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	20.359.418.754	20.306.666.674
228	- Nguyên giá		20.539.225.000	20.460.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(179.806.246)	(153.333.326)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	4	1.212.500.000	1.212.500.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.212.500.000	1.212.500.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		366.080.485	323.568.004
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	366.080.485	323.568.004
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		141.727.498.309	136.635.468.347

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		44.596.488.062	43.560.577.368
310	I. Nợ ngắn hạn		44.596.488.062	43.560.577.368
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	24.583.024.659	23.432.449.466
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	915.538.164	98.348.245
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	3.167.214.254	2.389.649.284
314	4. Phải trả người lao động		14.581.374.349	14.547.395.834
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	172.372.348
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	1.259.995.387	597.213.039
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		89.341.249	2.323.149.152
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		97.131.010.247	93.074.890.979
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	97.131.010.247	93.074.890.979
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		50.000.000.000	50.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.000.000	50.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		26.712.641.179	17.442.198.210
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.399.363.794	3.344.332.153
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		16.019.005.274	22.288.360.616
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.187.727.803	1.187.727.804
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		14.831.277.471	21.100.632.812
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		141.727.498.309	136.635.468.347


Phạm Thị Chung
Người lập biểu


Đoàn Thị Phương
Quyền Kế toán trưởng

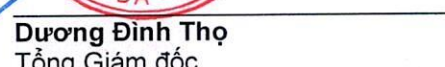

Dương Đình Thọ
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	739.766.869.925	700.761.665.915
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		739.766.869.925	700.761.665.915
11	3. Giá vốn hàng bán	19	643.624.534.655	604.022.478.585
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		96.142.335.270	96.739.187.330
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	20	1.328.683.119	1.026.607.279
22	6. Chi phí tài chính	21	205.350.646	105.510.917
25	7. Chi phí bán hàng	22	49.069.371.181	46.077.580.074
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	28.958.107.733	25.494.031.196
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		19.238.188.829	26.088.672.422
31	10. Thu nhập khác	24	67.391.000	7.905.100.000
32	11. Chi phí khác	25	29.944.962	8.349.600.424
40	12. Lợi nhuận khác		37.446.038	(444.500.424)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		19.275.634.867	25.644.171.998
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	4.294.357.396	4.543.539.186
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		14.981.277.471	21.100.632.812
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	2.247	3.165


Phạm Thị Chung
Người lập biểu


Đoàn Thị Phương
Quyền Kế toán trưởng


Dương Đình Thọ
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024

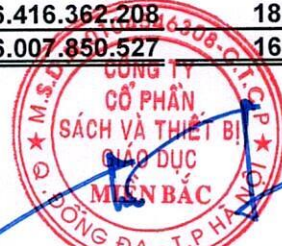


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		19.275.634.867	25.644.171.998
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.173.686.382	1.978.626.369
03	- Các khoản dự phòng		(38.042.510)	(5.777.458.466)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(475.983.567)	(1.318.452.857)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		20.935.295.172	20.526.887.044
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		3.651.608.152	(33.771.346.271)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.959.543.646	(930.986.757)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		2.043.584.116	20.244.411.072
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(836.917.402)	(570.847.962)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.068.222.915)	(6.454.537.813)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.000.000	16.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.662.966.106)	(2.248.997.555)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		17.025.924.663	(3.189.418.242)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(2.410.419.911)	(1.891.498.051)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	7.905.100.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		475.983.567	179.633.375
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.934.436.344)	6.193.235.324
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.500.000.000)	(5.500.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.500.000.000)	(5.500.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		9.591.488.319	(2.496.182.918)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		16.416.362.208	18.912.545.126
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	26.007.850.527	16.416.362.208


Phạm Thị Chung
Người lập biểu


Đoàn Thị Phượng
Quyền Kế toán trưởng


Dương Đình Thọ
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2023

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 315/QĐ-TCNS ngày 16/03/2010 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam nhằm mục đích hoàn thiện hệ thống kênh phân phối sách giáo khoa của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0104546308 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/03/2010. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 20/05/2019.

Công ty đã thực hiện đăng ký và chính thức giao dịch cổ phiếu phổ thông trên sàn UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 21/08/2017 với mã chứng khoán là NBE.

Trụ sở chính của Công ty tại: 187B, Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 50.000.000.000 VND (Năm mươi tỷ đồng chẵn).

Vốn thực góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 50.000.000.000 VND tương ứng với 5.000.000 cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 65 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 61 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

- Phát hành sách giáo khoa và các sản phẩm giáo dục, báo chí, văn phòng phẩm...
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- In ấn và các dịch vụ liên quan đến in ấn;
- Sao chép băng ghi các loại (trừ loại Nhà nước cấm);
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Năm học 2023-2024, là năm học đầu tiên các bộ Sách giáo khoa lớp 4, lớp 8 và lớp 11 của Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam được đưa vào giảng dạy trên cả nước khiến cho nhu cầu về sách giáo khoa và ấn phẩm bổ trợ tăng. Để nắm bắt cơ hội và phục vụ tốt nhu cầu của thị trường, Công ty đã tăng cường việc tuyên truyền, giới thiệu, tập huấn, hướng dẫn sử dụng sách mới. Các nguyên nhân chủ yếu nêu trên dẫn đến doanh thu của Công ty tăng đồng thời các chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng như chi phí tập huấn giới thiệu sách, vận chuyển...cũng tăng tương ứng so với năm trước.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Mức độ phân bổ chi phí trả trước;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.



2.6 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 năm
- Tài sản cố định khác	04 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao

Trong năm, công ty áp dụng khấu hao nhanh (với mức khấu hao không vượt quá 2 lần so với phương pháp khấu hao đường thẳng) đối với phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản cố định khác để nhanh chóng thu hồi vốn.

2.9 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ được hạch toán riêng; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT và tổng doanh thu. Đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, Công ty thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán dựa theo tỷ lệ hàng tồn kho còn tồn cuối kỳ.
- Phí bản thảo, phí quản lý xuất bản được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của nhà xuất bản và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong kỳ.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 đến 18 tháng.

2.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.11 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.13 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.14 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.15 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm các khoản chiết khấu thanh toán. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

2.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.19 Thông tin bộ phận

Do hoạt động chủ yếu của công ty là phân phối sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm và thực hiện các dịch vụ liên quan đến in ấn, địa bàn hoạt động chủ yếu là khu vực Miền Bắc nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 TIỀN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.555.206.597	470.355.720
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.452.643.930	15.946.006.488
	<u>26.007.850.527</u>	<u>16.416.362.208</u>

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	Mã CK	31/12/2023			01/01/2023		
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị cổ phiếu							
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (i)	EID	63.220.000	134.400.000	-	63.220.000	140.160.000	-
		63.220.000	134.400.000	-	63.220.000	140.160.000	-

(i) Cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội đang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 30/12/2022 và 29/12/2023 trên sàn HNX.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Mã CK	31/12/2023		01/01/2023	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
Các khoản đầu tư khác					
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	EPH	1.212.500.000		1.212.500.000	
		1.212.500.000	-	1.212.500.000	-

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư tại ngày 31/12/2023 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Hà Nội	4,85%	4,85%	Tổ chức biên soạn, biên tập, in, chế bản sách

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	990.542.311	-	428.539.211	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	556.127.450	-	121.541.270	-
Công ty CP Sách giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	198.407.200	-	144.419.000	-
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	236.007.661	-	162.578.941	-
Bên khác	74.200.396.229	(6.659.724.066)	76.855.005.846	(5.557.276.792)
Công nợ tại cửa hàng 187B Giảng Võ và 18/30 Tạ Quang Bửu (i)	3.013.888.150	(3.013.888.150)	3.013.888.150	(3.013.888.150)
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Nghệ An	3.265.580.827	-	11.192.699.726	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Yên Bái	10.776.913.708	-	9.309.474.760	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Sơn La	4.411.802.377	(3.036.764.996)	4.411.802.377	(2.077.159.519)
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Thanh Hoa	16.247.713.390	-	18.209.155.110	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa	10.110.645.107	-	7.322.434.830	-
Các khách hàng khác	26.373.852.670	(609.070.920)	23.395.550.893	(466.229.123)
	75.190.938.540	(6.659.724.066)	77.283.545.057	(5.557.276.792)

(i) Nợ phải thu tiền bán sách và thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm tại 2 cửa hàng 187B Giảng Võ và 18/30 Tạ Quang Bửu từ năm 2017 trở về trước nhưng chưa được nộp về Công ty. Công ty đã thành lập tổ công tác để rà soát lại số liệu và xác định trách nhiệm đối với những cá nhân có liên quan trong giai đoạn này. Theo Báo cáo kết quả làm việc số 02/TCT-STBMB của Tổ công tác ngày 12/05/2018 mặc dù đồng ý và ký trên các biên bản xác minh số liệu chi tiết nhưng kế toán của hàng không đồng ý ký xác nhận số liệu tổng hợp lại từ các biên bản chi tiết này. Tại ngày 31/12/2023, Công ty đã trích dự phòng với toàn bộ số nợ phải thu nói trên.

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên khác				
Nhà máy in Bộ Quốc Phòng	-	-	1.617.054.600	-
Công ty Đấu giá Hợp danh Việt Nam	80.200.000	-	-	-
Các khách hàng khác	95.089.150	(15.089.150)	116.436.185	(15.089.150)
	175.289.150	(15.089.150)	1.733.490.785	(15.089.150)

7 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về tạm ứng	154.000.000	-	154.800.000	-
	154.000.000	-	154.800.000	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	50.000.000	-	50.000.000	-
	50.000.000	-	50.000.000	-

8 NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công nợ tại cửa hàng 187B Giảng Võ và 18/30 Tạ Quang Bửu	3.013.888.150	-	3.013.888.150	-
Công ty CP Quốc Tế Việt Kim Long	132.931.595	-	132.931.595	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Lai Châu	476.139.325	-	546.418.996	213.121.468
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Sơn La	4.411.802.377	1.375.037.381	4.411.802.377	2.334.642.858
Các khoản khác	15.089.150	-	15.089.150	-
	8.049.850.597	1.375.037.381	8.120.130.268	2.547.764.326

9 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	99.518.804	-	1.381.264.507	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	158.874.575	-	124.792.364	-
Thành phẩm	4.994.705.402	(1.920.083.624)	5.605.647.878	(1.771.724.606)
Hàng hoá	12.420.144.081	(787.441.926)	12.521.081.759	(2.076.290.728)
	17.673.242.862	(2.707.525.550)	19.632.786.508	(3.848.015.334)

Tại ngày 31/12/2023, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho lượng hàng tồn kho có giá gốc 2.898.301.483 VND là các sách và thiết bị ứ đọng, kém, mất phẩm chất khó có khả năng tiêu thụ.

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Thuế GTGT chờ kết chuyển	262.385.499	416.146.661
Chi phí tổ chức bán thảo, phí quản lý xuất bản	1.093.415.980	590.904.734
Chi phí sửa chữa văn phòng Công ty	809.028.383	363.373.546
	2.164.829.862	1.370.424.941
b) Dài hạn		
Chi phí hoàn thiện văn phòng	366.080.485	323.568.004
	366.080.485	323.568.004

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	5.036.417.444	11.930.253.066	887.692.957	1.790.678.168	19.645.041.635
- Mua trong năm	-	1.430.167.835	222.089.516	678.937.560	2.331.194.911
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(70.464.000)	-	(70.464.000)
Số dư cuối năm	5.036.417.444	13.360.420.901	1.039.318.473	2.469.615.728	21.905.772.546
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.710.487.601	8.220.844.729	887.692.957	1.317.530.902	12.136.556.189
- Khấu hao trong năm	446.391.672	1.260.178.073	20.372.440	420.271.277	2.147.213.462
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(70.464.000)	-	(70.464.000)
Số dư cuối năm	2.156.879.273	9.481.022.802	837.601.397	1.737.802.179	14.213.305.651
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	3.325.929.843	3.709.408.337	-	473.147.266	7.508.485.446
Tại ngày cuối năm	2.879.538.171	3.879.398.099	201.717.076	731.813.549	7.692.466.895

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 8.371.050.510 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 8.300.161.470 VND).

Trong năm, Công ty áp dụng khấu hao nhanh (với mức khấu hao không vượt quá 2 lần so với phương pháp khấu hao đường thẳng) đối với phương tiện vận tải, truyền dẫn, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản cố định khác. Khấu hao theo phương pháp này cao hơn so với khấu hao theo phương pháp đường thẳng là 103.336.794 VND.

12 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	20.300.000.000	160.000.000	20.460.000.000
- Mua trong năm	-	79.225.000	79.225.000
Số dư cuối năm	20.300.000.000	239.225.000	20.539.225.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	153.333.326	153.333.326
- Khấu hao trong năm	-	26.472.920	26.472.920
Số dư cuối năm	-	179.806.246	179.806.246
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	20.300.000.000	6.666.674	20.306.666.674
Tại ngày cuối năm	20.300.000.000	59.418.754	20.359.418.754

(*) Quyền sử dụng đất là giá trị quyền sử dụng 02 lô đất tại Khu đô thị Văn Khê, Quận Hà Đông được Công ty mua để làm trụ sở, có thời gian sử dụng lâu dài nên Công ty không trích khấu hao.

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên liên quan	24.113.574.171	24.113.574.171	22.833.126.782	22.833.126.782
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội	23.254.498.610	23.254.498.610	22.689.736.117	22.689.736.117
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	859.075.561	859.075.561	143.390.665	143.390.665
Bên khác	469.450.488	469.450.488	599.322.684	599.322.684
Công ty TNHH AloCorp	-	-	495.000.002	495.000.002
Công ty TNHH Công nghệ và Xét nghiệm Y học	123.696.500	123.696.500	-	-
Các người bán khác	345.753.988	345.753.988	104.322.682	104.322.682
	24.583.024.659	24.583.024.659	23.432.449.466	23.432.449.466

14 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Bên liên quan	243.626.521	-
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam	243.626.521	-
Bên khác	671.911.643	98.348.245
Nhà Sách Yển Công	609.250.746	-
Công ty cổ phần sách và thiết bị trường học Hà Tây	21.734.786	34.050.473
Các khoản người mua trả tiền trước khác	40.926.111	64.297.772
	915.538.164	98.348.245

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	483.142.598	2.236.297.075	2.390.332.820	-	329.106.853
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.543.539.186	4.294.357.396	3.068.222.915	-	2.769.673.667
Thuế thu nhập cá nhân	-	362.967.500	4.487.114.399	4.781.648.165	-	68.433.734
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	6.255.495	6.255.495	-	-
	-	2.389.649.284	11.024.024.365	10.246.459.395	-	3.167.214.254

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	125.545.145	101.811.330
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.134.450.242	495.401.709
- Phải trả khác	1.134.450.242	495.401.709
	1.259.995.387	597.213.039

17 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	11.901.089.513	2.555.681.532	16.960.740.227	81.417.511.272
Lãi trong năm trước	-	-	-	21.100.632.812	21.100.632.812
Chia cổ tức	-	-	-	(5.500.000.000)	(5.500.000.000)
Trích lập các quỹ	-	5.541.108.697	788.650.621	(6.329.759.318)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(3.943.253.105)	(3.943.253.105)
Số dư cuối năm trước	50.000.000.000	17.442.198.210	3.344.332.153	22.288.360.616	93.074.890.979
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	17.442.198.210	3.344.332.153	22.288.360.616	93.074.890.979
Lãi trong năm nay	-	-	-	14.981.277.471	14.981.277.471
Tạm trích Quỹ phúc lợi và Quỹ khen thưởng ban điều hành từ lợi nhuận năm 2023 (i)	-	-	-	(150.000.000)	(150.000.000)
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	(5.500.000.000)	(5.500.000.000)
Trích lập các quỹ (ii)	-	9.270.442.969	1.055.031.641	(10.325.474.610)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi trên lợi nhuận năm 2022 (ii)	-	-	-	(5.275.158.203)	(5.275.158.203)
Số dư cuối năm nay	50.000.000.000	26.712.641.179	4.399.363.794	16.019.005.274	97.131.010.247

(i) Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng ban điều hành năm 2023 đang được tạm trích theo Nghị quyết số 07/INQ-ĐHCD ngày 21 tháng 04 năm 2023 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc.

(ii) Theo nghị quyết số 07/NQ-ĐHCĐ ngày 21 tháng 04 năm 2023 thông qua phương án phân phối lợi nhuận của năm 2022 như sau:

	<u>Tỷ lệ</u> %	<u>Số tiền</u> VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		21.100.632.812
Trích quỹ bổ sung vốn điều lệ	5%	1.055.031.641
Trích quỹ khen thưởng cán bộ công nhân viên	10%	2.110.063.281
Trích quỹ phúc lợi	10%	2.110.063.281
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	5%	1.055.031.641
Trích Quỹ Đầu tư phát triển sản xuất	43,93%	9.270.442.968
Chi trả cổ tức (11% vốn góp của chủ sở hữu) (<i>Tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.100 VND</i>)		5.500.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại		-

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>31/12/2023</u> VND	<u>Tỷ lệ</u> %	<u>01/01/2023</u> VND	<u>Tỷ lệ</u> %
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	23.000.000.000	46,00	23.000.000.000	46,00
Các cổ đông khác	27.000.000.000	54,00	27.000.000.000	54,00
	<u>50.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>50.000.000.000</u>	<u>100</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2023</u> VND	<u>Năm 2022</u> VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	5.500.000.000	5.500.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	5.500.000.000	5.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền trong năm	5.500.000.000	5.500.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	5.500.000.000	5.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	-	-

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	26.712.641.179	17.442.198.210
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.399.363.794	3.344.332.153
	<u>31.112.004.973</u>	<u>20.786.530.363</u>

18 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	701.470.363.943	652.804.472.481
Doanh thu bán thành phẩm	38.136.078.162	46.902.284.342
Doanh thu khác	160.427.820	1.054.909.092
	<u>739.766.869.925</u>	<u>700.761.665.915</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	45.182.460.531	31.253.787.264

19 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	622.279.355.080	579.793.853.182
Giá vốn của thành phẩm đã bán	22.327.304.870	26.593.790.508
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.140.489.784)	(3.119.812.129)
Giá vốn khác	158.364.489	754.647.024
	<u>643.624.534.655</u>	<u>604.022.478.585</u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	618.677.436.229	582.672.448.031

20 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	321.523.567	50.063.375
Cổ tức, lợi nhuận được chia	154.460.000	129.570.000
Chiết khấu thanh toán, thu tiền phạt chậm thanh toán	852.699.552	846.973.904
	<u>1.328.683.119</u>	<u>1.026.607.279</u>
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	1.005.045.182	401.638.173

21 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	205.350.646	105.510.917
	205.350.646	105.510.917

22 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.128.566	11.660.898
Chi phí nhân công	21.461.795.997	18.821.976.154
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	333.835.768	644.998.008
Chi phí khấu hao tài sản cố định	450.021.336	381.479.837
Thuế, phí và lệ phí	313.622.830	384.323.733
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.267.726.963	8.502.694.278
Chi phí khác bằng tiền	14.224.239.721	17.330.447.166
	49.069.371.181	46.077.580.074

23 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân công	11.920.194.282	11.055.454.464
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	957.145.354	496.038.041
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.723.665.046	842.499.508
Thuế, phí và lệ phí	135.020.358	223.824.435
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	1.102.447.274	(2.657.646.337)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.276.448.800	4.924.470.569
Chi phí khác bằng tiền	9.843.186.619	10.609.390.516
	28.958.107.733	25.494.031.196

24 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn hợp tác kinh doanh	-	7.905.100.000
Thu nhập khác	67.391.000	-
	67.391.000	7.905.100.000

25 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt	-	1.580.409.978
Giá phí chuyển nhượng khoản vốn góp hợp tác kinh doanh	-	6.766.280.518
Các khoản khác	29.944.962	2.909.928
	29.944.962	8.349.600.424

26 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	19.275.634.867	25.644.171.998
Các khoản điều chỉnh tăng	2.227.193.470	2.523.890.331
- Các khoản tiền phạt	1.255.495	1.580.409.978
- Khấu hao xe ô tô nguyên giá vượt 1,6 tỷ VND	487.980.353	487.980.353
- Thù lao HĐQT và BKS không trực tiếp điều hành và các chi phí không được trừ khác	180.000.000	455.500.000
- Chi trang phục vượt định mức	1.377.000.000	-
- Các chi phí không được trừ khác	180.957.622	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(154.460.000)	(5.450.366.400)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(154.460.000)	(129.570.000)
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã loại trừ năm trước	-	(586.262.679)
- Hoàn nhập dự phòng khoản hợp tác kinh doanh	-	(4.734.533.721)
Thu nhập chịu thuế TNDN	21.348.368.337	22.717.695.929
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	4.269.673.667	4.543.539.186
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	24.683.729	1.217.419.841
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.543.539.186	2.237.117.972
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(3.068.222.915)	(6.454.537.813)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	2.769.673.667	1.543.539.186

27 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	14.981.277.471	21.100.632.812
Các khoản điều chỉnh :		
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi đã trích từ lợi nhuận trong năm	150.000.000	-
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành (i)	3.595.319.368	5.275.158.203
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	11.235.958.103	15.825.474.609
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.247	3.165

(i) Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng ban điều hành năm 2023 đang được tạm trích theo Nghị quyết số 07/NQ-ĐHCD ngày 21 tháng 04 năm 2023 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc với dự kiến trích tổng tỷ lệ 25% Lợi nhuận sau thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

28 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.983.994.079	5.234.545.987
Chi phí nhân công	33.381.990.279	29.877.430.618
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.439.742.666	1.141.036.049
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.173.686.382	1.978.626.369
Thuế, phí và lệ phí	455.793.188	608.148.168
Chi phí dự phòng	1.102.447.274	(2.657.646.337)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.237.757.800	34.198.943.295
Chi phí khác bằng tiền	24.160.876.340	26.993.230.969
	99.936.288.008	97.374.315.118

29 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Tại nghị quyết số 02/NQ-HĐQT ngày 28/02/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc đã thông qua việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 và việc tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2023 theo nội dung đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 cụ thể tỷ lệ thực hiện 11% (tương ứng 01 cổ phiếu được nhận 1.100 VND) và ngày thanh toán dự kiến là ngày 09/08/2024.

30 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP sách và Thiết bị Giáo Dục Cửu Long	Công ty con của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Công ty con của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Đơn vị phụ thuộc của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty con của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Đầu tư và Phát triển trường phổ thông Công nghệ giáo dục	Công ty con của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục tại Đà Nẵng	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Công ty con của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Tập đoàn ECI	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách Dân tộc	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng	45.182.460.531	31.253.787.264
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	611.924.092	26.678.520
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	741.129.907	1.358.274.567
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	360.527.699	267.017.425
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	1.406.098.272
Công ty CP Sách giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	1.333.360.980	1.373.907.370
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	649.874.796	13.600.482
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	2.316.035.201	4.630.860.016
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	153.482.240	211.401.656
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	1.535.967.139	642.907.680
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Miền Trung	65.210.320	17.496.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	37.414.948.157	21.305.545.276
Mua hàng hóa, dịch vụ	618.677.436.229	582.672.448.031
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	8.425.926	166.572.540
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	1.320.145.650	78.831.189
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	181.049.882	79.530.982
Công ty CP Sách giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	98.774.800	52.366.100
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	1.196.820.060	283.174.040
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo Dục Hà Nội	14.063.041.827	17.351.067.646
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	2.104.149.800	108.867.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh	283.848.768	62.812.228

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển trường phổ thông Công nghệ giáo dục	-	9.067.500
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	8.241.560.426	6.840.943.627
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	598.502.660	257.655.761
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	10.476.000	80.895.670
Công ty CP Tập đoàn ECI	10.850.000	21.516.267
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	585.895.296.502	548.959.356.642
Công ty CP Sách Dân tộc	212.761.920	378.032.443
Công ty CP Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội	979.973.700	842.682.500
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	1.741.140.000	3.880.080.000
Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục tại Đà Nẵng	183.004.200	612.099.802
Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định	43.200.000	-
Công ty CP In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội	687.244.568	634.091.534
Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề	817.169.540	1.972.804.560
Chiết khấu thanh toán được hưởng	850.585.182	272.068.173
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	850.585.182	272.068.173
Cổ tức, lợi nhuận được chia	154.460.000	129.570.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	8.960.000	8.320.000
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	145.500.000	121.250.000

Thu nhập từ quỹ điều hành và thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Hà Sĩ Chuẩn	Chủ tịch HĐQT	446.500.000	286.000.000
Ông Dương Đình Thọ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	528.000.000	286.000.000
Ông Phạm Xuân Thương	Thành viên HĐQT	108.000.000	81.000.000
Bà Bùi Thị Thu Lan	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 16/01/2023, Miễn nhiệm Thành viên HĐQT ngày 21/04/2023)	278.000.000	248.000.000
Ông Dương Xuân Mộc	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 21/04/2023)	231.000.000	-
Ông Nguyễn Châu Giang	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 21/04/2023)	69.000.000	195.000.000
Bà Ngô Phương Anh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 21/04/2023)	234.000.000	74.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Trưởng Ban kiểm soát	74.000.000	44.500.000
Bà Lê Thu Hương	Thành viên Ban kiểm soát	47.000.000	32.000.000
Bà Lê Hồng Phương	Thành viên Ban kiểm soát	47.000.000	32.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

31 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán


Phạm Thị Chung
Người lập biểu


Đoàn Thị Phượng
Quyền Kế toán trưởng


Dương Đình Thọ
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024


CÔNG TY TNHH KẾ TOÁN AASC
HÀ NỘI